

PHẦN II: NỘI DUNG DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VIỆT NAM

CẤP I - TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

1. Giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non có nhà trẻ và mẫu giáo.

- *Mục tiêu:* Trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

- *Thời gian:* Mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

- *Yêu cầu đầu vào:* Không.

- *Cơ sở giáo dục mầm non gồm:*

Trường mầm non là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

Nhà trẻ, nhóm trẻ nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi;

Trường, lớp mẫu giáo nhận trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi;

2. Giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông có tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

a) Tiểu học

- *Mục tiêu:* Hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

- *Thời gian:* Thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến lớp năm.

- *Yêu cầu đầu vào:* Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi.

- *Văn bằng, chứng chỉ:* Xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học.

b) Trung học cơ sở

- *Mục tiêu:* củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

- *Thời gian*: Thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín.
- *Yêu cầu đầu vào*: Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học, có tuổi là mười một tuổi.
- *Văn bằng, chứng chỉ*: Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

c) Trung học phổ thông

- *Mục tiêu*: củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.
- *Thời gian*: Thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai.
- *Yêu cầu đầu vào*: Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có tuổi là mười lăm tuổi.
- *Văn bằng, chứng chỉ*: Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp có trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.

a) Sơ cấp

- *Mục tiêu*: Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề được đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.
- *Thời gian*: Được thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học.
- *Yêu cầu đầu vào*: Người học có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.
- *Văn bằng, chứng chỉ*: Chứng chỉ sơ cấp.

b) Trung cấp

- *Mục tiêu*: Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực

hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

- *Thời gian:*

+ Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế là từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

+ Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho từng chương trình đào tạo.

- *Yêu cầu đầu vào:* Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

- *Văn bằng, chứng chỉ:* Bằng tốt nghiệp trung cấp.

c) Cao đẳng

- *Mục tiêu:* Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề được đào tạo; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

- *Thời gian:*

+ Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện từ 02 đến 03 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề đào tạo và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

+ Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ cho từng chương trình đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

- *Yêu cầu đầu vào:* Người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

- *Văn bằng, chứng chỉ:* Bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành hoặc kỹ sư thực hành.

4. Giáo dục đại học và sau đại học

Giáo dục đại học và sau đại học có trình độ đại học, trình độ thạc sỹ, trình độ tiến sỹ.

a) Trình độ đại học

- *Mục tiêu:* Để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

- *Thời gian:* Thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

- *Yêu cầu đầu vào:* Sinh viên tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung cấp hoặc tốt nghiệp cao đẳng phụ thuộc vào thời gian đào tạo.

- *Văn bằng, chứng chỉ:* Bằng tốt nghiệp đại học.

b) Trình độ thạc sỹ

- *Mục tiêu:* Để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

- *Thời gian:* Thực hiện từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- *Yêu cầu đầu vào:* Học viên tốt nghiệp đại học, năng lực ngoại ngữ.

- *Văn bằng, chứng chỉ:* Bằng thạc sỹ.

c) Trình độ tiến sỹ

- *Mục tiêu:* Để nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

- *Thời gian*: Thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm học đối với người có bằng thạc sỹ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sỹ có thể được kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Yêu cầu đầu vào*: Học viên có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên hoặc có bằng thạc sỹ.

- *Văn bằng, chứng chỉ*: Bằng tiến sỹ.

CẤP II - LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

01. Chương trình cơ bản: gồm chương trình giáo dục mầm non; Chương trình giáo dục tiểu học; Chương trình trung học cơ sở; Chương trình trung học phổ thông.

08. Chương trình xóa mù: gồm Chương trình xóa mù.

09. Chương trình giáo dục chuyên biệt: gồm Chương trình giáo dục chuyên biệt.

14. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Khoa học giáo dục;
- Đào tạo giáo viên.

21. Nghệ thuật: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Mỹ thuật;
- Nghệ thuật trình diễn;
- Nghệ thuật nghe nhìn;
- Mỹ thuật ứng dụng.

22. Nhân văn: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam;
- Ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài;
- Nhân văn khác.

31. Khoa học xã hội và hành vi: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Kinh tế học;
- Khoa học chính trị;
- Xã hội học và Nhân học;
- Tâm lý học;
- Địa lý học;

- Khu vực học và văn hóa học.

32. Báo chí và thông tin: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Báo chí và truyền thông;
- Thông tin - Thư viện;
- Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng;
- Xuất bản - Phát hành.

34. Kinh doanh và quản lý: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Kinh doanh;
- Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm;
- Kế toán - Kiểm toán;
- Quản trị - Quản lý.

38. Pháp luật: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Luật;
- Dịch vụ pháp lý.

42. Khoa học sự sống: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Sinh học;
- Sinh học ứng dụng.

44. Khoa học tự nhiên: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Khoa học vật chất;
- Khoa học trái đất;
- Khoa học môi trường.

46. Toán và thống kê: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Toán học;
- Thống kê.

48. Máy tính và công nghệ thông tin: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Máy tính;
- Công nghệ thông tin.

51. Công nghệ kỹ thuật: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng;
- Công nghệ kỹ thuật cơ khí;
- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông;
- Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường;
- Công nghệ sản xuất;
- Quản lý công nghiệp;
- Công nghệ dầu khí và khai thác;
- Công nghệ kỹ thuật in;
- Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa;
- Công nghệ kỹ thuật mỏ.

52. Kỹ thuật: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật;
- Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông;
- Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường;
- Vật lý kỹ thuật;
- Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa

54. Sản xuất và chế biến: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống;
- Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da;
- Khai thác mỏ;
- Sản xuất, chế biến khác.

58. Kiến trúc và xây dựng: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Kiến trúc và quy hoạch;
- Xây dựng;
- Quản lý xây dựng.

62. Nông, lâm nghiệp và thủy sản: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Nông nghiệp;
- Lâm nghiệp;
- Thủy sản.

64. Thú y: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Thú y;
- Dịch vụ thú y.

72. Sức khỏe: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Y học ;
- Y học cổ truyền ;
- Dịch vụ y tế ;
- Dược học ;
- Điều dưỡng, hộ sinh ;
- Răng - Hàm - Mặt ;
- Quản lý bệnh viện.

76. Dịch vụ xã hội: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Công tác xã hội ;
- Dịch vụ xã hội.

81. Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Dịch vụ du lịch ;
- Khách sạn, nhà hàng ;
- Thể dục, thể thao ;
- Dịch vụ thẩm mỹ ;
- Kinh tế gia đình.

84. Dịch vụ vận tải: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Khai thác vận tải ;

- Dịch vụ bưu chính.

85. Môi trường và bảo vệ môi trường: gồm nội dung chủ yếu sau:

- Kiểm soát và bảo vệ môi trường ;
- Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

86. An ninh, quốc phòng: gồm nội dung chủ yếu sau:

- An ninh và trật tự xã hội ;
- Quân sự.

90*. Khác

CẤP III - NHÓM CHƯƠNG TRÌNH, NHÓM NGÀNH, NHÓM NGHỀ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

01. Chương trình cơ bản:

0101. Chương trình giáo dục mầm non gồm những nội dung chủ yếu:

Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ nhà trẻ 3 - 36 tháng; Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo 3 - 5 tuổi; Chương trình 26 tuần cho trẻ 5 tuổi không qua lớp mẫu giáo 3,4 tuổi; Chương trình 26 tuần cho trẻ mẫu giáo miền núi chuẩn bị vào lớp 1 phổ thông; Chương trình 36 buổi cho lớp mẫu giáo 5 tuổi.

0102. Chương trình giáo dục tiểu học gồm những nội dung chủ yếu:

Chương trình giáo dục tiểu học.

0103. Chương trình trung học cơ sở gồm những nội dung chủ yếu:

Chương trình trung học cơ sở; Chương trình bổ túc trung học cơ sở.

0104. Chương trình trung học phổ thông gồm những nội dung chủ

yếu: Chương trình trung học phổ thông; Chương trình trung học chuyên ban; Chương trình bổ túc trung học phổ thông.

08. Chương trình xóa mù:

0801. Chương trình xoá mù gồm những nội dung chủ yếu:

Chương trình xoá mù chữ.

09. Chương trình giáo dục chuyên biệt:

0901. Chương trình giáo dục chuyên biệt gồm những nội dung chủ

yếu: Chương trình giáo dục chuyên biệt.

14. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên:

- Khoa học giáo dục: là nhóm ngành tập trung vào các nguyên lý, lý thuyết dạy và học bao gồm phát triển chương trình đào tạo, kiểm tra và đánh giá chương trình, nghiên cứu giáo dục, khoa học giáo dục khác;

- Đào tạo giáo viên: là nhóm ngành, nghề đào tạo giáo viên cho các bậc học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo viên giáo dục cho trẻ khuyết tật và cho người lớn tuổi.

21. Nghệ thuật:

- Mỹ thuật: vẽ, đồ họa, điêu khắc;

- Nghệ thuật trình diễn: âm nhạc, kịch, múa, xiếc;

- Nghệ thuật nghe nhìn: chụp ảnh, phim, sản xuất âm nhạc, sản xuất các chương trình phát thanh và truyền hình;
- Mỹ thuật ứng dụng: thiết kế, kỹ năng thủ công.

22. Nhân văn:

- Tôn giáo và thần học, văn hoá và ngôn ngữ nước ngoài, nghiên cứu văn hoá vùng;
- Các ngôn ngữ bản xứ: Ngôn ngữ chính thống và các ngôn ngữ của các dân tộc và văn hoá của chúng;
- Nhân văn khác: Diễn giải và dịch thuật, ngôn ngữ học, văn hoá so sánh, lịch sử, khảo cổ, triết học, đạo đức học.

31. Khoa học xã hội và hành vi:

Kinh tế học, lịch sử kinh tế, khoa học chính trị, xã hội học, nhân khẩu học, nhân chủng học, dân tộc học, tương lai học, tâm lý học, địa lý học (loại trừ địa lý tự nhiên), nghiên cứu hoà bình và đấu tranh, nhân quyền.

32. Báo chí và thông tin:

- Báo chí; khoa học và kỹ thuật viên thư viện; kỹ thuật viên trong bảo tàng và các nơi bảo quản tương tự;
- Kỹ thuật tư liệu;
- Xuất bản;
- Khoa học văn thư.

34. Kinh doanh và quản lý:

- Bán buôn, bán lẻ, tiếp thị, các quan hệ công cộng, bất động sản;
- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, phân tích đầu tư;
- Kế toán, kiểm toán;
- Quản lý, quản trị hành chính, quản trị cơ sở, quản trị nhân sự;
- Thư ký và công việc văn phòng.

38. Pháp luật:

- Luật địa phương, công chứng, luật (luật chung, luật quốc tế, luật lao động, luật hàng hải,...), xét xử, lịch sử luật.

42. Khoa học sự sống:

- Sinh vật học, thực vật học, vi khuẩn học, chất độc học, vi sinh, động vật học, vi trùng học, điều loại học, di truyền học, hoá sinh, lý sinh, khoa học có liên quan khác, không bao gồm khoa học về sinh và y tế.

44. Khoa học tự nhiên:

Thiên văn học và khoa học không gian, vật lý học và các môn có liên quan khác; hoá học và các môn có liên quan khác, địa chất học, địa vật lý, khoáng vật học, nhân chủng học hình thái, địa lý tự nhiên và khoa học địa lý khác, khí tượng học và khoa học khí quyển bao gồm nghiên cứu về khí hậu, khoa học về biển, núi lửa, cổ sinh thái.

46. Toán và thống kê:

Toán học, nghiên cứu điều hành, phân tích số, khoa học tính toán bảo hiểm, thống kê và các lĩnh vực có liên quan khác.

48. Máy tính và công nghệ thông tin:

Thiết kế hệ thống, lập trình máy tính, xử lý số liệu, mạng, phát triển phần mềm - hệ thống điều hành (phát triển phần cứng phân vào mã kỹ thuật).

51. Công nghệ kỹ thuật:

Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; công nghệ kỹ thuật xây dựng; công nghệ điện, điện tử và viễn thông; công nghệ cơ điện và bảo trì; công nghệ môi trường; công nghệ sản xuất công nghiệp; công nghệ quản lý chất lượng; công nghệ có liên quan đến kỹ thuật cơ khí; công nghệ dầu khí và khai thác; công nghệ kỹ thuật máy tính, công nghệ kỹ thuật vẽ thiết kế; công nghệ kỹ thuật hạt nhân; công nghệ in; công nghệ có liên quan đến kỹ thuật khác.

52. Kỹ thuật:

Vẽ kỹ thuật; cơ khí; luyện kim; điện, điện tử, viễn thông; kỹ thuật năng lượng và kỹ thuật hoá; trắc địa; kỹ thuật khai thác mỏ và kỹ thuật tuyển khoáng.

54. Sản xuất và chế biến:

Chế biến thực phẩm và đồ uống; dệt; may; giày dép; da; các vật liệu (gỗ, giấy, nhựa, thủy tinh...).

58. Kiến trúc và xây dựng:

- Kiến trúc và quy hoạch đô thị: Kiến trúc kết cấu, kiến trúc phong cảnh, quy hoạch cộng đồng, đồ bản;

- Xây dựng nhà cửa, công trình (như công trình giao thông, thủy lợi...).

62. Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Nhóm các chương trình đào tạo tập trung vào nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và các khoa học có liên quan; chương trình chuẩn bị cho các cá nhân vận dụng kiến thức, phương pháp và kỹ thuật chuyên ngành trong việc quản lý và thực hiện các hoạt động nông nghiệp.

64. Thú y:

- Y học thú y và trợ giúp thú y.

72. Sức khỏe:

- Y học: giải phẫu, truyền nhiễm học, tế bào học, sinh lý học, miễn dịch học, bệnh lý học, gây mê, nhi khoa, sản khoa, nội khoa, thần kinh học, tâm thần học, phóng xạ học, nhãn khoa;

- Y tế cổ truyền;

- Dịch vụ y tế: Y tế công cộng, vệ sinh, vật lý trị liệu, hồi sức, hình ảnh xét nghiệm, thay thế và ghép mới cơ quan nội tạng;

- Bào chế, bảo quản và dược học;

- Điều dưỡng, hộ sinh;

- Răng - Hàm - Mặt: Nha khoa, vệ sinh, kỹ thuật viên thí nghiệm.

76. Dịch vụ xã hội:

- Chăm sóc người khuyết tật, chăm sóc trẻ em, dịch vụ thanh niên, chăm sóc người già;

- Công tác xã hội: Tư vấn, phúc lợi,...

81. Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân:

Khách sạn và dịch vụ, tham quan và du lịch, thể thao và thư giãn, làm đầu, chăm sóc sắc đẹp và các dịch vụ cá nhân khác, các dịch vụ thẩm mỹ, khoa học nội trợ.

84. Dịch vụ vận tải:

Thủy thủ và sỹ quan tàu, khoa học hàng hải, các nhân viên hàng không, kiểm soát không lưu, điều hành đường sắt, điều khiển ô tô, xe, máy, dịch vụ bưu chính.

85. Môi trường và bảo vệ môi trường:

Kiểm soát và bảo vệ môi trường, bảo vệ và an toàn lao động.

86. An ninh, quốc phòng:

- An ninh và trật tự xã hội: Công việc của cảnh sát và các lực lượng pháp luật có liên quan, tội phạm học, phòng cháy và chữa cháy, an toàn công dân;
- Quân sự.

90*. Khác: